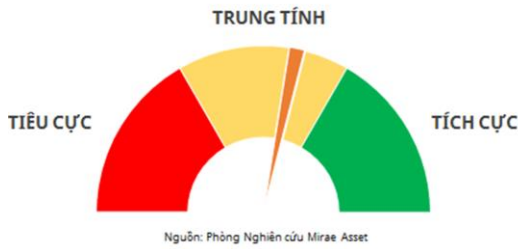


Thang đo sức mạnh thị trường



18 Tháng Tám 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,360.94	-0.16	4.74	60.79
HNX	344.82	0.50	12.04	194.66
UPCOM	94.48	0.30	10.73	65.50
MSCI EM	1,255.78	-1.29	-6.29	13.65
NIKKEI	27,585.9	0.59	-1.49	19.67
HANG SENG	25,867.0	0.47	-7.63	1.97
KOSPI	3,158.93	0.50	-3.60	34.52
FTSE	7,155.99	-0.35	2.11	17.76
S&P 500	4,448.08	-0.71	2.79	31.22
NASDAQ	14,656.1	-0.93	1.59	30.73

Nhận định thị trường

VN-Index rung lắc trong ngắn hạn

Hầu hết thời gian của phiên giao dịch, VN-Index đã cho thấy trạng thái cân bằng của mình. Tuy nhiên, áp lực bán có phần chiếm ưu thế về cuối phiên đã khiến cho VN-Index đóng cửa với sắc đỏ với mức giảm 2,15 điểm (-0,16%), đóng cửa ở mốc 1,360 điểm.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 chịu tác động bán khá mạnh khi kết phiên có 16 mã ghi nhận giảm điểm, trong khi chỉ có 11 mã tăng và 3 mã đứng giá. Riêng nhóm ngân hàng trong VN30 không ghi nhận mã tăng điểm, và chỉ có 3 mã đứng giá là VCB, OCB và BAB.

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.40	2.64	16.29
SET INDEX	19.23	1.65	7.55
JCI INDEX	NA	1.39	-4.02
PCOMP INDEX	22.14	1.64	7.53

Một điểm trừ lớn của thị trường là diễn biến bán ròng của khối ngoại đã diễn ra trong 7 phiên tiếp, riêng hôm nay khối này đã bán ròng hơn 1,886 tỷ đồng trên sàn HSX và hơn 41 tỷ đồng sàn HNX. Tổng giá trị bán ròng hôm nay được ghi nhận ở mức 1,927 tỷ đồng, đây là mức bán ròng mạnh nhất trong 7 tháng vừa qua.

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.86	-2	-19	-86
10 năm	2.08	0	-8	-80

VHM, SSI và VNM là những mã chịu áp lực bán ròng lớn nhất với giá trị lần lượt 444 tỷ, 267 tỷ và 163 tỷ. Riêng VHM có phiên bán ròng thứ 5 liên tiếp, nâng lũy kế giá trị bán ròng 5 phiên lên hơn 1,344 tỷ đồng. Còn ở chiều ngược lại, VHC được ghi nhận mua ròng gần 18 tỷ trong phiên.

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
US\$/VND	22,831	-0.04	0.81	1.47
US\$/KRW	1,168	0.69	-1.77	1.31
US\$/JPY	110	0.00	-0.13	-3.82
US\$/EUR	0.85	-0.09	0.68	1.81
US\$/GBP	0.73	-0.14	-0.60	-3.79
US\$/SGD	1.36	0.18	0.26	0.34

Việc đóng phiên giảm điểm nhẹ đã làm điểm số đánh giá kỹ thuật trong ngắn hạn của VN-Index giảm từ mức +6 điểm (KHẢ QUAN) xuống còn +2 điểm (TRUNG TÍNH). P/E hiện tại của VN-Index ở mức 16,4x lần.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,070	821	597
HNX	202	124	84
UPCOM	72	55	37

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	-6	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

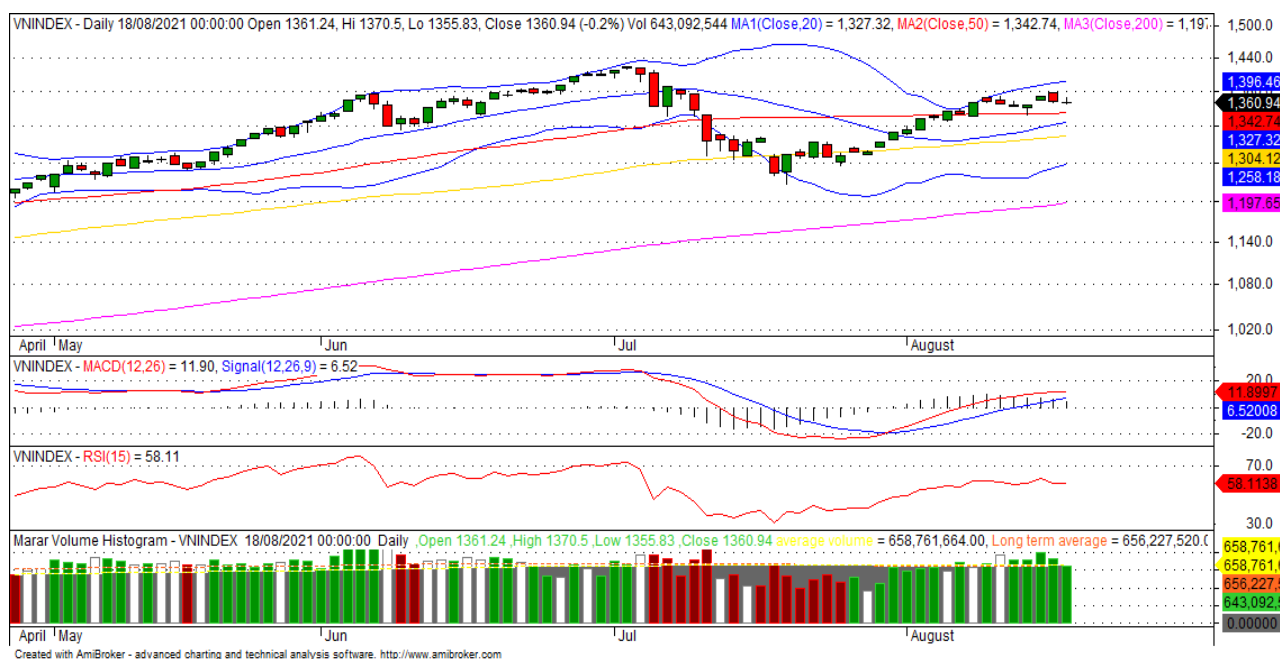
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (18/08/2021)	1.360,9	Kháng cự 1 1.380
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.420
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.270

VN-index tiếp tục giằng co tích lũy để vượt ngưỡng kháng cự ngắn hạn 1,380 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (18/08/2021)	1.490	Kháng cự 1 1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TÍCH CỰC	Kháng cự 2 1.550
VN30 - đóng cửa	1.489	Hỗ trợ 1 1.450
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+1,36	Hỗ trợ 2 1.400

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	4	KHẢ QUAN

Hợp đồng phái sinh tháng 8 sẽ được đáo hạn vào ngày mai vì vậy sẽ chịu nhiều tác động rung lắc mạnh trong ngắn hạn

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.65	6,414,815	4	KHẢ QUAN	5,238	13.1	1.1
ACB	35.55	11,252,200	0	TRUNG TÍNH	96,054	9.9	2.4
ASM	15.6	3,904,790	4	KHẢ QUAN	4,038	10.0	0.9
BCG	16.05	3,615,460	0	TRUNG TÍNH	4,775	5.1	1.3
BID	42.65	2,021,110	2	TRUNG TÍNH	171,539	17.2	2.1
BSI	27.7	1,639,905	5	KHẢ QUAN	3,368	12.4	2.0
BSR	19.4	14,942,670	-2	TRUNG TÍNH	60,150	#N/A N/A	1.9
BVH	54.7	872,795	4	KHẢ QUAN	40,605	22.5	1.9
CTG	34.5	15,522,390	2	TRUNG TÍNH	165,798	10.1	1.8
CTR	82.5	971,930	-4	TIÊU CỰC	7,666	27.4	7.2
DBC	59.4	2,023,815	5	KHẢ QUAN	6,845	5.6	1.5
DCM	23.45	6,430,960	2	TRUNG TÍNH	12,414	20.4	2.0
DDV	15.3	2,781,845	-4	TIÊU CỰC	2,265	79.5	1.8
DGC	105	1,580,005	5	KHẢ QUAN	17,963	17.9	4.0
DGW	164	374,690	6	KHẢ QUAN	7,249	17.8	5.2
DIG	34	12,019,475	2	TRUNG TÍNH	13,936	18.6	2.9
DPG	38.8	1,182,115	0	TRUNG TÍNH	2,444	8.0	2.1
DPM	34.8	5,758,855	2	TRUNG TÍNH	13,618	12.1	1.6
DRC	34.7	2,957,065	2	TRUNG TÍNH	4,122	12.1	2.4
DXG	23.5	5,931,785	6	KHẢ QUAN	12,180	14.8	1.4
FIT	20.1	8,972,350	7	KHẢ QUAN	5,120	37.1	1.6
FLC	11.1	17,582,790	-1	TRUNG TÍNH	7,881	4.4	0.8
FPT	94	3,967,195	-4	TIÊU CỰC	85,302	22.2	5.1
FRT	43	3,613,355	4	KHẢ QUAN	3,396	51.0	2.7
GAS	92.6	915,095	-2	TRUNG TÍNH	177,232	22.7	3.8
GEX	23.3	5,942,450	-2	TRUNG TÍNH	18,202	13.2	1.4
GMD	47.8	4,231,155	0	TRUNG TÍNH	14,406	35.2	2.3
GVR	37.55	5,749,145	7	KHẢ QUAN	150,200	31.3	3.1
HAH	53.6	2,173,820	-4	TIÊU CỰC	2,540	12.1	2.2
HBC	15.15	4,980,485	4	KHẢ QUAN	3,498	23.9	1.0
HCM	55.9	6,030,065	5	KHẢ QUAN	17,052	19.3	3.5
HDB	35.6	2,848,845	6	KHẢ QUAN	56,738	10.8	2.2
HDC	64.9	1,070,120	2	TRUNG TÍNH	5,396	18.3	4.3
HDG	58.5	2,973,025	-2	TRUNG TÍNH	9,572	13.4	2.7
HHV	20.2	3,486,440	4	KHẢ QUAN	5,401	34.6	0.9
HNG	7.48	9,286,730	2	TRUNG TÍNH	8,292	#N/A N/A	1.0
HPG	50.4	25,330,164	6	KHẢ QUAN	225,435	9.0	3.1
HSG	39.9	12,250,155	7	KHẢ QUAN	19,514	5.2	2.0
IDC	38.5	2,406,085	6	KHẢ QUAN	11,550	22.7	3.0
IJC	28.5	7,523,170	4	KHẢ QUAN	6,187	8.1	1.9
ITA	6.73	7,012,220	4	KHẢ QUAN	6,315	32.0	0.6
KBC	36.65	10,266,890	2	TRUNG TÍNH	17,217	20.4	1.7
KDC	60.5	2,194,595	-6	TIÊU CỰC	13,839	30.9	2.4
KDH	41.5	5,401,915	0	TRUNG TÍNH	25,858	21.1	3.0
KSB	29.75	2,117,705	4	KHẢ QUAN	2,181	8.7	1.3
LCG	15.2	4,113,225	4	KHẢ QUAN	1,752	4.8	1.0
LPB	25.9	9,497,390	6	KHẢ QUAN	31,173	11.7	2.0
LTG	39.3	1,074,800	2	TRUNG TÍNH	3,175	10.2	1.1
MBB	31.1	14,985,085	6	KHẢ QUAN	117,506	11.3	2.2
MBS	36.3	3,621,515	7	KHẢ QUAN	9,714	19.3	3.2
MSN	134.5	1,338,575	-4	TIÊU CỰC	158,782	75.3	7.4
MWG	172.5	1,110,395	2	TRUNG TÍNH	81,984	18.0	4.5

NAF	34	1,575,310	7	KHẢ QUAN	1,617	27.8	2.5
NDN	23.2	2,024,085	4	KHẢ QUAN	1,662	4.6	1.5
NKG	42	7,536,645	7	KHẢ QUAN	7,644	5.1	1.6
NLG	42	4,383,270	-5	TIÊU CỰC	11,981	10.7	1.8
NTL	33.8	2,467,550	0	TRUNG TÍNH	2,061	6.7	1.8
NVB	29.1	3,401,850	0	TRUNG TÍNH	11,838	141.9	2.7
NVL	103.1	2,580,045	-7	TIÊU CỰC	151,781	28.6	4.5
PAN	30.7	2,431,725	2	TRUNG TÍNH	6,413	28.9	1.8
PC1	32.05	1,727,610	4	KHẢ QUAN	6,128	13.3	1.5
PDR	89	3,187,680	-7	TIÊU CỰC	43,323	30.7	7.8
PET	26.2	3,161,370	4	KHẢ QUAN	2,190	13.6	1.4
PLX	51.6	1,552,935	-2	TRUNG TÍNH	64,181	16.7	2.7
PNJ	94.7	513,625	4	KHẢ QUAN	21,532	16.3	3.8
POW	11.4	8,200,900	4	KHẢ QUAN	26,697	10.5	0.9
PTB	101.3	456,805	0	TRUNG TÍNH	4,923	11.3	2.4
PVD	20	6,285,510	7	KHẢ QUAN	8,423	728.8	0.6
PVS	27.3	11,690,275	7	KHẢ QUAN	13,048	23.5	1.1
PVT	23.2	4,711,315	4	KHẢ QUAN	7,509	9.9	1.6
REE	60.5	747,905	7	KHẢ QUAN	18,698	10.4	1.5
ROS	5.21	10,272,020	-1	TRUNG TÍNH	2,957	16.1	0.5
SBS	15.4	3,914,135	7	KHẢ QUAN	1,938	1,686.9	9.4
SBT	21.2	3,596,880	6	KHẢ QUAN	13,084	19.8	1.7
SCR	11.1	10,416,340	0	TRUNG TÍNH	4,067	13.9	0.8
SHB	29.4	16,078,855	6	KHẢ QUAN	56,611	15.1	2.1
SHS	53.1	6,894,215	4	KHẢ QUAN	11,006	10.3	2.5
SMC	48.4	1,280,760	2	TRUNG TÍNH	2,949	3.1	1.3
SSI	60.2	14,589,875	0	TRUNG TÍNH	39,426	21.4	3.5
STB	29.95	27,147,150	-4	TIÊU CỰC	56,462	15.6	1.8
SZC	46.7	1,780,320	0	TRUNG TÍNH	4,670	18.7	3.5
TCB	52.8	15,858,115	2	TRUNG TÍNH	185,059	11.4	2.2
TCH	19.3	6,275,805	0	TRUNG TÍNH	7,704	8.9	1.3
TNG	28.7	2,963,865	5	KHẢ QUAN	2,283	12.9	1.8
TPB	37.25	5,901,190	6	KHẢ QUAN	39,920	8.9	2.0
VCB	101	1,470,325	6	KHẢ QUAN	374,597	18.3	3.6
VCI	63.1	5,699,505	7	KHẢ QUAN	21,012	14.4	4.0
VCS	124	436,370	0	TRUNG TÍNH	19,840	12.6	4.7
VGt	20.4	4,281,715	4	KHẢ QUAN	10,250	36.0	1.7
VHC	47.6	1,910,995	5	KHẢ QUAN	8,661	11.8	1.6
VHM	110	8,147,075	-5	TIÊU CỰC	368,447	11.1	3.8
VIB	41.1	1,488,140	2	TRUNG TÍNH	63,834	11.0	3.0
VIC	97.9	2,645,360	-1	TRUNG TÍNH	372,532	58.0	4.2
VIX	26.3	3,474,890	7	KHẢ QUAN	3,359	4.7	1.5
VJC	118	539,720	2	TRUNG TÍNH	63,910	406.7	3.8
VND	53.3	10,910,935	5	KHẢ QUAN	22,867	10.7	2.4
VNM	90	3,386,880	4	KHẢ QUAN	188,096	19.7	5.9
VOS	13.65	3,944,755	2	TRUNG TÍNH	1,911	12.5	2.6
VPB	64	10,392,450	4	KHẢ QUAN	157,104	12.7	2.6
VRE	27.8	4,933,435	1	TRUNG TÍNH	63,170	23.3	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Số liệu bán lẻ gây lo ngại, Phố Wall rời đỉnh, S&P 500 giảm sâu nhất một tháng

Dow Jones giảm 282,12 điểm, tương đương 0,79%, xuống 35.343,28 điểm. S&P 500 giảm 31,63 điểm, tương đương 0,71%, xuống 4.448,08 điểm. Nasdaq giảm 137,58 điểm, tương đương 0,93%, xuống 14.656,18 điểm. Hầu hết lĩnh vực thuộc S&P 500 chốt phiên trong sắc đỏ với tiêu dùng kém nhất, giảm 2,3%. Ở chiều ngược lại là chăm sóc sức khỏe, tăng 1,1%. Cổ phiếu Home Depot giảm 4,3% sau khi công ty ghi nhận doanh số bán lẻ tại cùng cửa hàng không đạt kỳ vọng, lần đầu tiên trong gần 2 năm. Cổ phiếu đối thủ Lowe's Companies giảm 5,8%. Một báo cáo cho thấy doanh số bán lẻ tại Mỹ giảm vượt dự báo trong tháng 7 do thiếu cung làm giảm số lượng mua ôtô, lực đẩy chi tiêu từ việc nền kinh tế tái mở cửa và các khoản hỗ trợ trực tiếp suy yếu, cho thấy đà tăng trưởng chững lại trong đầu quý III.

Hàng container qua cảng biển Việt Nam tăng 18%

Đại diện Cục Hàng hải Việt Nam vừa cho biết, theo thống kê, sản lượng hàng hóa container qua hệ thống cảng biển Việt Nam trong 8 tháng năm 2021 vẫn có mức tăng trưởng hai con số với mức tăng 18% so với cùng kỳ năm 2020, ước đạt gần 16,8 triệu TEUs. Theo đó, hàng xuất khẩu ước đạt hơn 5,4 triệu TEUs, tăng 16%; hàng nhập khẩu ước đạt hơn 5,5 triệu TEUs, tăng tới 21% so với cùng kỳ năm trước. Một số khu vực cảng biển có sản lượng hàng container thông qua cao nhất tính trong 7 tháng năm 2021 như: khu vực Quảng Nam tăng hơn 115%, khu vực Mỹ Tho tăng 41%, khu vực Hải Phòng tăng hơn 17%, khu vực TP HCM tăng gần 16%. Bên cạnh đó, một số khu vực cảng biển có lượng hàng container giảm mạnh như: khu vực Quảng Ninh giảm 98%, khu vực Đà Nẵng giảm 38%, khu vực Cần Thơ giảm 23% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 8 tháng năm 2021, tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam ước đạt hơn 480,4 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020. Mức tăng này thấp hơn các tháng trước do một số khu vực cảng biển có lượng hàng thông qua lớn khu vực phía Nam đang thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch Covid-19 theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

MSB: TNL Lease muốn bán 8 triệu cổ phiếu MSB

CTCP Đầu tư và cho thuê tài sản TNL (TNL Lease), một đơn vị thành viên của Tập đoàn Đầu tư TNG (TNG Holdings), đăng ký bán ra 8 triệu cổ phiếu MSB, dự kiến giảm sở hữu từ 4,78% xuống 4,1%, tương đương 48,2 triệu cổ phiếu. Giao dịch nhằm phục vụ cho nhu cầu tài chính. Thời gian thực hiện từ 23/8 đến 8/9. Bà Lê Thị Liên, thành viên độc lập của HĐQT MSB, hiện là Chủ tịch HĐQT của TNL Lease. Đây là thương hiệu đầu tư và kinh doanh mặt bằng trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng và mặt bằng bán lẻ, mặt bằng kho bãi của Tập đoàn TNG. Bà Liên hiện đang nắm giữ 376.900 cổ phiếu MSB.

HPX: chốt quyền phát hành gần 40 triệu cổ phiếu trả cổ tức

Công ty Đầu tư Hải Phát (Hải Phát Invest, HoSE: HPX) thông báo 7/9 là ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020. Cụ thể, doanh nghiệp dự kiến phát hành 39,7 triệu cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ phân phối 15%. Vốn điều lệ doanh nghiệp dự kiến tăng từ 2.645 tỷ đồng lên 3.042 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2020 (447 tỷ đồng). Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu giảm 62% xuống 1.330 tỷ đồng; lãi sau thuế giảm 78% xuống 98 tỷ đồng. Với kết quả này, Hải Phát Invest thông qua cổ tức 15% bằng cổ phiếu. Nửa đầu năm nay, hoạt động kinh doanh bất động sản mang về 313 tỷ đồng cho công ty, giảm 33% so với cùng kỳ. Song nguồn thu từ hoạt động khác (không thuyết minh) gấp 2,5 lần, theo

đó doanh thu thuần tăng 17% lên 744 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 138% lên mức 143 tỷ đồng, trong đó phần lãi thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt hơn 114 tỷ đồng, hoàn thành 31% kế hoạch.

GHC: chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền tỷ lệ 25%

Ngày 26/8, Thủy điện Gia Lai (UPCoM: GHC) sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền với tỷ lệ 25% (2.500 đồng/cp). Thời gian thanh toán dự kiến là 10/9. Ngoài ra, tổ chức cũng dự kiến chào bán gần 16 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu mới). Với giá chào bán 18.000 đồng/cp, tương đương số tiền huy động gần 286 tỷ đồng. Vốn điều lệ dự kiến tăng từ 318 tỷ lên gần 478 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là 31/8. Quyền mua được chuyển nhượng 1 lần trong thời gian từ 10/9 đến 1/10. Thời gian đăng ký mua từ 10/9 đến 8/10.

FPT lãi ròng 7 tháng đầu năm đạt 2.233 tỷ đồng, tăng 16,2%

Theo thông tin từ CTCP FPT (HoSE: FPT), doanh thu và lợi nhuận trước thuế trong 7 tháng đầu năm đạt 19.002 tỷ đồng và 3.428 tỷ đồng, tăng 19% và 19,8% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận trước thuế tăng từ 17,9% lên 18%. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ và EPS lần lượt đạt 2.233 tỷ đồng và 2.467 đồng, tăng 16,2% và 15,7%. Tính riêng tháng 7, doanh thu đạt 2.733 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế tăng 13,3% lên 492 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng 10,3% lên mức 327 tỷ đồng. Năm 2021, FPT đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế 5.261 tỷ đồng và sau 7 tháng, doanh nghiệp này đã hoàn thành hơn 65% kế hoạch năm

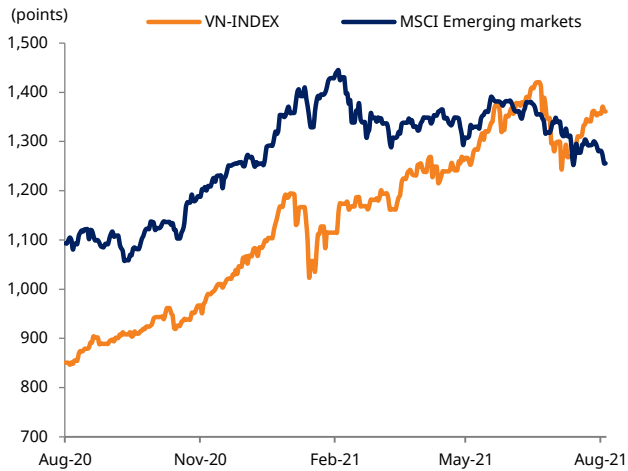
C47: chốt danh sách phát hành cổ phiếu trả cổ tức và thưởng cho cổ đông hiện hữu, tổng tỷ lệ 15%

Ngày 6/9 tới đây, CTCP Xây dựng 47 (Mã CK: C47) sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện trả cổ tức năm 2020; đồng thời phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tổng tỷ lệ đạt 15% Cụ thể, Xây dựng 47 dự kiến phát hành hơn 936 nghìn cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5%, tương ứng cổ đông sở hữu mỗi 20 cổ phần sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Nguồn vốn thực hiện được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm 2020 theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020. Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Bên cạnh đó, Xây dựng 47 cũng sẽ phát hành hơn 1,87 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:1, tương ứng cổ đông sở hữu mỗi 10 cổ phiếu sẽ được nhận về 1 cổ phần mới. Số cổ phiếu này sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng. Nguồn vốn thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng sẽ được trích từ thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2020. Theo BCTC đã kiểm toán năm 2020 của doanh nghiệp, tại thời điểm 31/12/2020, khoản LNST chưa phân phối đạt 22,5 tỷ đồng. Đồng thời, thặng dư vốn cổ phần ghi nhận gần 33 tỷ đồng và quỹ đầu tư phát triển đạt 57 tỷ đồng.

NLG: Chào bán 60 triệu cổ phiếu với giá 33.500 đồng/cp, dự kiến thu về hơn 2.000 tỷ đồng

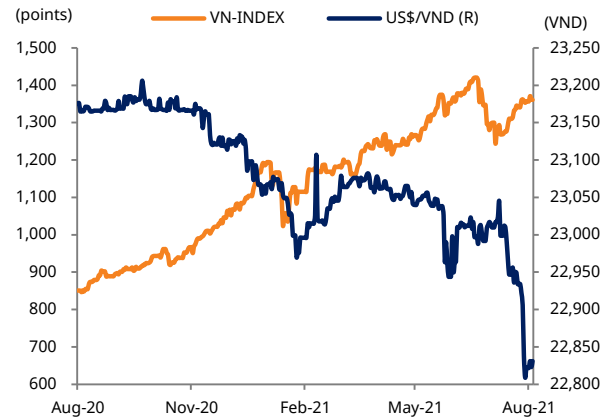
HĐQT Đầu tư Nam Long (NLG) vừa thông qua quyết định liên quan đến phương án phát hành 60 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư. Theo kế hoạch, giá phát hành sẽ vào mức 33.500 đồng/cp, thấp hơn so với thị giá hiện nay. Cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm. Sau phát hành, vốn điều lệ NLG dự kiến sẽ tăng từ 2.853 tỷ đồng lên mức 3.453 tỷ đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán hơn 2.000 tỷ đồng sẽ được NLG chi góp vốn vào công ty con để đơn vị này nhận chuyển nhượng dự án PG Hải Phòng, đồng thời chi tài trợ một phần vốn đầu tư dự án Akari – Lô F theo chấp thuận chủ trương đầu tư ngày 31/12/2020.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



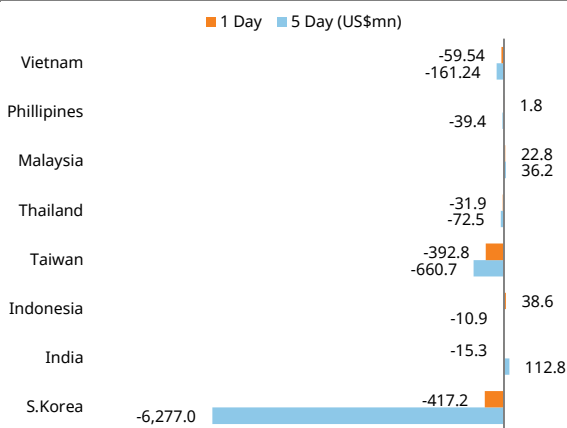
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



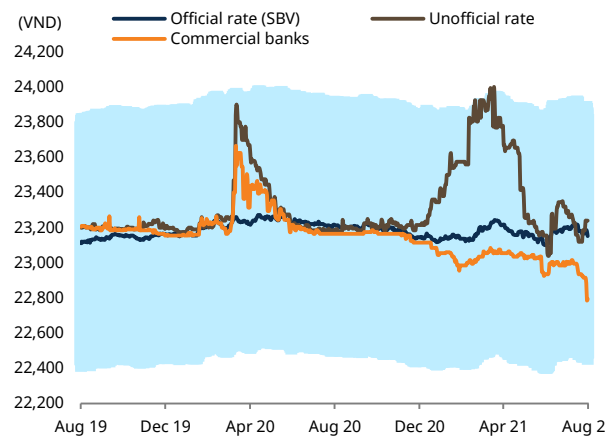
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



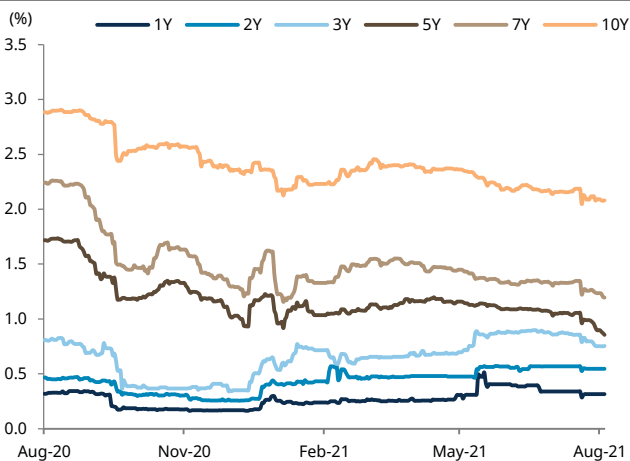
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



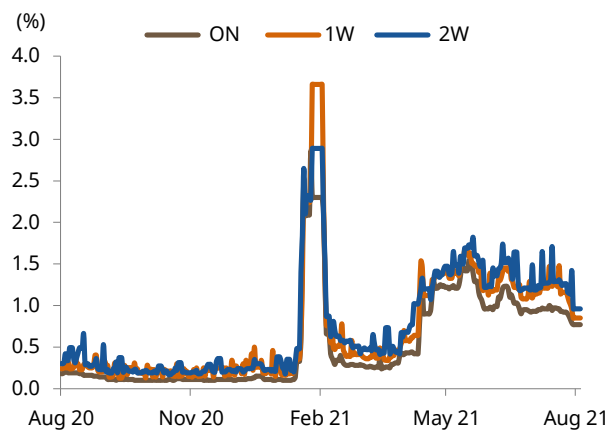
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,489.54	3,872,620		-0.3	0.1	3.6	89.3	14.2	12.3	2.7	2.3	35.9	15.4	22.6	20.4
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	35,550	96,054	30.0	-0.1	-1.3	5.8	125.7	9.9	8.3	2.1	1.7	27.4	19.3	24.4	22.8
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,650	171,539	16.7	-0.7	-1.0	0.4	11.1	18.2	13.3	1.9	1.6	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	54,700	40,605	26.9	2.1	0.9	7.3	22.6	23.7	21.0	1.9	1.8	11.2	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	34,500	165,798	24.5	-0.3	0.6	-0.4	91.9	9.0	7.5	2.0	1.7	34.5	19.7	19.9	20.1
CTCP FPT	FPT VN	94,000	85,302	49.0	0.2	-2.2	8.3	130.7	20.8	17.4	4.6	4.0	25.9	20.0	25.0	25.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	92,600	177,232	2.6	0.2	-3.0	2.9	28.8	18.4	15.8	3.4	3.1	24.5	17.0	19.2	20.4
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	37,550	150,200	0.6	0.1	10.1	19.8	239.8	32.3	29.5	2.9	NA	128.8	9.5	9.3	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	35,600	56,738	18.4	-0.4	0.4	6.4	114.4	10.3	8.6	1.9	1.6	31.1	20.2	21.5	20.9
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	50,400	225,435	26.6	0.0	3.0	7.8	181.7	7.8	7.7	2.5	1.9	126.2	1.3	38.6	28.5
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	41,500	25,858	30.8	0.7	3.6	12.3	95.2	22.9	16.4	2.8	2.3	-3.4	39.6	13.4	16.2
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	31,100	117,506	22.2	-0.3	4.7	6.9	186.6	10.4	8.8	1.9	1.6	36.0	18.4	21.6	21.2
Tập đoàn Masan	MSN VN	134,500	158,782	33.4	1.5	-1.5	11.6	156.7	48.9	29.3	8.0	6.3	20,045.5	66.7	15.3	22.0
CTCP Thế giới di động	MWG VN	172,500	81,984	49.0	1.5	-1.4	2.6	111.9	16.6	13.4	4.0	3.4	19.9	23.7	25.8	26.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,000	151,781	9.5	-0.2	-0.9	-1.5	123.3	35.3	25.5	4.4	4.0	-541.2	38.6	16.0	14.5
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	89,000	43,323	3.8	-2.4	-4.2	-1.3	339.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,600	64,181	17.8	0.0	-3.4	1.0	12.1	18.7	15.8	2.6	2.6	334.9	18.4	16.2	16.6
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	94,700	21,532	49.0	-0.8	-0.7	-1.4	71.2	17.0	13.6	3.5	3.0	29.6	25.1	23.4	24.0
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,400	26,697	3.0	0.4	-0.4	7.5	15.4	12.8	11.4	0.9	0.9	-10.8	12.2	7.2	7.7
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	146,000	93,627	62.6	0.3	-5.3	-7.6	-19.2	18.7	16.2	4.1	3.6	9.4	15.3	24.2	24.4
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	60,200	39,426	49.3	-1.8	4.3	14.0	318.1	30.0	24.4	4.4	4.1	2.3	23.0	14.1	14.5
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	29,950	56,462	15.9	-0.7	-1.5	5.3	178.6	23.0	15.5	1.8	1.6	8.4	48.9	8.9	11.8
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	52,800	185,059	22.5	-0.9	1.0	2.3	163.3	11.2	9.5	2.0	1.7	33.8	18.2	20.2	19.7
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	37,250	39,920	30.0	-0.3	0.7	9.9	115.7	8.6	7.1	1.7	1.4	26.8	22.1	22.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	101,000	374,597	23.6	0.0	0.5	-1.5	22.7	17.0	14.2	3.2	2.6	33.3	19.3	21.1	20.9
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	110,000	368,447	23.8	-0.9	-5.2	0.9	38.2	11.9	10.5	3.2	2.5	108.6	13.4	30.3	27.7
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	97,900	372,532	15.0	-1.0	-0.8	4.1	27.3	58.5	57.1	4.3	3.9	-135.0	2.3	9.3	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	118,000	63,910	18.3	0.6	-0.6	2.3	18.2	157.3	24.1	3.5	2.8	-160.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,000	188,096	55.0	0.8	-1.0	4.8	-6.6	18.6	17.3	5.7	5.5	1.4	7.5	32.5	33.6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	64,000	157,104	15.4	-1.7	4.6	-0.8	200.5	9.9	10.6	1.9	1.6	52.0	-6.4	24.5	18.2
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,800	63,170	30.0	-0.9	-0.7	0.4	6.5	26.2	19.4	2.1	1.8	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-2.15	5,137,553	-0.2	0.2	4.7	60.8	15.6	13.1	2.6	2.3	37.1	19.1	20.0	19.2
Ô tô và phụ tùng	0.00	9,060	-0.1	-0.7	13.2	69.8	7.3	6.7	1.4	1.3	31.7	10.0	12.7	12.8
Ngân hàng	-2.78	1,666,369	-0.6	1.3	1.4	80.1	13.3	10.7	2.2	1.8	33.3	21.9	19.3	19.0
Xây dựng cơ bản	0.39	190,681	0.9	0.4	14.5	86.2	7.8	6.4	0.6	0.4	15.1	21.6	7.7	8.1
Dịch vụ thương mại	-0.01	5,306	-0.8	-1.1	17.0	41.8	8.3	6.5	NA	NA	10.8	39.0	9.8	12.9
May mặc và trang sức	-0.06	45,349	-0.5	-0.1	6.2	135.9	12.7	10.5	2.5	2.2	38.0	22.0	17.5	18.0
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	8,366	-0.1	-1.7	6.3	36.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	0.17	108,660	0.6	7.0	21.4	313.6	18.5	14.6	3.0	2.7	19.5	28.9	12.5	13.6
Năng lượng	0.03	83,389	0.1	-1.3	3.9	31.6	21.2	14.9	2.2	2.2	NA	38.8	13.9	14.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.20	538,773	0.8	-0.1	5.1	47.2	25.4	18.6	5.2	4.5	59.8	28.8	20.8	23.1
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.02	1,190	6.9	18.6	58.9	64.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,882	-0.3	0.2	3.0	4.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.25	49,689	1.9	0.9	8.5	30.2	20.3	17.2	1.7	1.5	17.8	12.8	7.9	7.4
Nguyên vật liệu	0.06	531,116	0.1	4.7	15.0	193.0	62.2	13.9	2.2	1.0	98.3	-0.1	24.2	19.1
Giải trí và truyền thông	0.00	1,324	-0.5	-1.9	-1.1	-26.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.08	36,225	1.0	2.4	9.9	32.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-2.16	1,204,468	0.9	2.2	3.7	23.8	8.6	7.5	1.4	1.3	5.9	13.6	8.5	8.9
Bán lẻ	0.35	91,589	-0.6	-2.9	3.1	65.9	54.9	24.7	3.0	2.6	13.8	NA	15.6	14.7
Phần mềm và dịch vụ	0.03	90,686	1.5	1.0	3.7	105.7	16.3	12.9	3.7	3.2	32.8	24.2	23.6	24.6
Thiết bị và phần cứng	0.00	7,249	0.1	-0.9	9.3	127.3	19.6	16.3	4.4	3.8	28.2	21.5	23.5	24.3
Dịch vụ viễn thông	0.02	1,624	-0.2	2.7	26.0	284.5	16.9	13.9	4.7	3.6	56.0	22.0	30.8	24.8
Vận tải	-0.05	178,775	5.5	16.4	-4.1	340.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.23	263,581	0.0	-0.8	8.7	49.6	66.0	12.6	21.2	1.6	NA	NA	-53.6	20.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	134,500	1.5	1,302,800	0.6
VNM VN	90,000	0.8	4,710,100	0.4
MWG VN	172,500	1.5	864,600	0.3
REE VN	60,500	6.9	3,303,400	0.3
BVH VN	54,700	2.1	1,304,200	0.2
DIG VN	34,000	5.8	12,154,000	0.2
DGC VN	105,000	3.0	1,523,000	0.1
BCM VN	45,000	1.1	116,100	0.1
VSH VN	29,050	7.0	435,800	0.1
VCI VN	63,100	1.9	6,286,000	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	97,900	-1.0	2,297,700	-1.0
VHM VN	110,000	-0.9	23,516,400	-0.9
VPB VN	64,000	-1.7	14,072,500	-0.7
TCB VN	52,800	-0.9	12,905,800	-0.5
BID VN	42,650	-0.7	1,514,500	-0.3
PDR VN	89,000	-2.4	5,424,800	-0.3
VIB VN	41,100	-1.3	2,068,000	-0.2
SSB VN	36,250	-1.5	2,351,100	-0.2
SSI VN	60,200	-1.8	17,610,600	-0.2
MSB VN	30,800	-1.9	8,741,400	-0.2

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.